

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS - ST
Ngày 10 tháng 10 năm 2019
“ V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Chinh.

2. Bà Nguyễn Thị Huân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần CV.

Địa chỉ: Số XX, Đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP CV.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Viết P - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP CV - Chi nhánh BX và ông Hà Như H - cán bộ phòng Tổng hợp - Ngân hàng TMCP CV - Chi nhánh BX (Văn bản uỷ quyền số: 1093/UQ-HĐQT- NHCT18 ngày 24/12/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP CV).

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (phiên tòa có mặt ông H).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Hương L, sinh năm 1983 và ông Đỗ Văn S, sinh năm 1980 (phiên tòa vắng mặt bà L, ông S).

Cùng trú tại: Thôn Đ2, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2019 của Ngân hàng TMCP CV, các

lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ chế độ tín dụng hiện hành, Ngân hàng TMCP CV - Chi nhánh BX (gọi tắt là Ngân hàng) đã cho bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 17.93.0024/2017/HĐCV/NHCT262 ngày 18/9/2017. Theo hợp đồng này Ngân hàng cho bà L, ông S vay 700.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà. Thời hạn cho vay 84 tháng từ ngày 19/9/2017 đến ngày 15/9/2024. Lãi suất 8,2%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo khoản vay bà L, ông S thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 472; tờ bản đồ số 02; diện tích 259m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0603045 do UBND huyện VL, tỉnh Vĩnh Phú cấp ngày 15/9/1994, đứng tên ông Đỗ Như S (đã được đính chính là Đỗ Văn S) và toàn bộ tài sản xây dựng trên đất. Địa chỉ thửa đất thôn Đ2, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17.93.0024/HĐTC ngày 15/9/2017 đã ký giữa Ngân hàng TMCP CV - Chi nhánh BX và ông Đỗ Văn S, bà Phạm Thị Hương L được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/9/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y.

Và hợp đồng tín dụng số 18.98.0012/2018/HĐCVHM/NHCT262 ngày 12/02/2018. Theo hợp đồng này ngân hàng cho bà L, ông S vay số tiền 700.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh phế liệu. Thời hạn cho vay 12 tháng. Để đảm bảo khoản vay này ông Đỗ Như H và bà Nguyễn Thị N (là em ông S) thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 259m² tại thửa đất số 474; tờ bản đồ số 02; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0603047 do UBND huyện VL, tỉnh Vĩnh Phú cấp ngày 15/9/1994, đứng tên ông Đỗ Như H và toàn bộ tài sản xây dựng trên đất. Địa chỉ thửa đất thôn Đ2, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 18.98.0012/2018/HĐBĐ/NHCTCT262 ngày 09/02/2018 đã ký giữa Ngân hàng TMCP CV - Chi nhánh BX và ông Đỗ Như H, bà Nguyễn Thị N được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/02/2018 tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho bà L, ông S vay đủ số tiền của hai hợp đồng tín dụng thể hiện tại giấy nhận nợ số 01 ngày 19/9/2017 bà L, ông S đã nhận đủ 700.000.000 đồng và giấy nhận nợ số 03 ngày 07/12/2018 bà L, ông S nhận đủ 700.000.000 đồng. Bà L, ông S đã nhận đủ tiền của hai hợp đồng tín dụng là 1.400.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 17/5/2019 đại diện Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay của hợp đồng tín dụng số 18.98.0012/2018/HĐCVHM/NHCT262 ngày 12/02/2018 và rút yêu cầu xử lý tài sản của ông Hà, bà Hiền. Khoản vay này ngân hàng chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngân hàng chỉ đề nghị Tòa án giải quyết đối với hợp đồng tín dụng số 17.93.0024/2017/HĐCV/NHCT262 ngày 18/9/2017 với số tiền còn nợ tính đến ngày 09/10/2019 là 655.550.951 đồng trong đó nợ gốc 592.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 61.185.440 đồng, lãi quá hạn là 2.265.511 đồng (theo hợp đồng này thì bà L, ông S mới trả cho Ngân hàng 107.900.000 đồng tiền gốc và 60.363.372 đồng tiền lãi). Bà L, ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 12/2018.

Nếu bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S không trả nợ, đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 17.93.0024/HĐTC ngày 15/9/2017 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 259m² tại thửa đất số 472; tờ bản đồ số 02; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0603045 do UBND huyện VL, tỉnh Vĩnh Phú cấp ngày 15/9/1994, mang tên ông Đỗ Như S (đã được đính chính là Đỗ Văn S) và toàn bộ tài sản trên đất.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán tài sản không đủ trả nợ của hợp đồng tín dụng thì bà L, ông S vẫn phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng bằng các nguồn thu hoặc bằng tài sản khác của bà L, ông S.

Bị đơn bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S, Tòa án báo gọi nhiều lần theo địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi bà L, ông S thuê nhà kinh doanh do Ngân hàng cung cấp nhưng bà L, ông S không đến Tòa làm việc, Tòa án về địa phương và gia đình bà L, ông S nhưng cũng không gặp được bà L, ông S. Bà Nguyễn Thị Thiệp là mẹ đẻ anh Sông trình bày anh Sông, chị Lan đi làm vắng nhà từ gần một năm nay không gọi điện về nhà nên gia đình bà không biết anh, chị đi làm ở đâu nên Tòa án không lấy được lời khai của bà L, ông S và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng TMCP CV - Chi nhánh BX khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S các đương sự có địa chỉ tại xã T, huyện Y trả nợ số tiền vay của các hợp

đồng tín dụng cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 18/9/2017 bà L, ông S ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà L, ông S không trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do bà L, ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L, ông S trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP CV - Chi nhánh BX với bị đơn bà Phạm Thị Hương L, ông Đỗ Văn S phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Do bị đơn vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng có đơn khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 18/9/2017 bà Phạm Thị Hương L ký hợp đồng tín dụng số 17.93.0024/2017/HĐCV/NHCT262. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho bà L, ông S vay vốn số tiền 700.000.000 đồng, mục đích sửa chữa nhà; lãi suất thỏa thuận là 8,2 %/năm, thể hiện trên giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; thời hạn trả nợ trong 84 tháng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đứng tên ông Đỗ Như S (đã đính chính là Đỗ Văn S). Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho bà L, ông S vay đủ số tiền được vay là 700.000.000 đồng tiền gốc thể hiện tại giấy nhận nợ số 01 ngày 19/9/2017. Bà L, ông S đã trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc là 107.900.000 đồng và tiền lãi là 60.363.372 đồng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L, ông S trả nợ cho ngân hàng tiền gốc, tiền lãi, lãi phạt theo hợp đồng tín dụng số 17.93.0024/2017/HĐCV/NHCT262 ngày 18/9/2017 số tiền 655.550.951 đồng trong đó nợ gốc 592.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 61.185.440 đồng, lãi quá hạn là 2.265.511 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng.

Do bà L, ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng kể từ tháng 12/2018 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L, ông S phải trả tiền gốc, tiền lãi và tiền lãi phạt sinh trên số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày

09/10/2019 và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 10/10/2019 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của Ngân hàng.

Số tiền gốc và tiền lãi hợp đồng tín dụng số 18.98.0012/2018/HĐCVHM/NHCT262 ngày 12/02/2018 Ngân hàng rút yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết và không đề nghị xử lý tài sản thế chấp đứng tên ông Hà, bà Hiền nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của Ngân hàng, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện khác.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S phải trả cho Ngân hàng TMCP CV chi nhánh BX số tiền gốc và tiền lãi, lãi phạt của hợp đồng tín dụng số 17.93.0024/2017/HĐCV/NHCT262 ngày 18/9/2017 tính đến hết ngày 09/10/2019 là 655.550.951 đồng trong đó nợ gốc 592.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 61.185.440 đồng, lãi quá hạn là 2.265.511 đồng và tiền lãi trên số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng từ ngày 10/10/2019 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S không trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần CV - Chi nhánh BX theo hợp đồng tín dụng thì tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 259m² và các tài sản trên đất tại thửa đất số 472; tờ bản đồ số 02; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0603045 do UBND huyện VL, tỉnh Vĩnh Phú cấp ngày 15/9/1994, đứng tên ông Đỗ Như S (đã được đính chính là Đỗ Văn S). Địa chỉ thửa đất thôn Đ2, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17.93.0024/HĐTC ngày 15/9/2017 đã ký giữa Ngân hàng TMCP CV - Chi nhánh BX và ông Đỗ Văn S, bà Phạm Thị Hương L sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu số tiền bán tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ thì bà L, ông S vẫn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả là 655.550.951 đồng = 20.000.000 đồng + (255.550.951 x 4%) = 30.222.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng xin chịu toàn bộ và tự chi phí nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 295, 299, 317, 318, 319, 322, 323, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần CV - Chi nhánh BX tổng số tiền gốc và tiền lãi của hợp đồng tín dụng số 17.93.0024/2017/HĐCV/NHCT262 ngày 18/9/2017 tính đến hết ngày 09/10/2019 là 655.550.951 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn chín trăm năm một đồng) trong đó nợ gốc 592.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 61.185.440 đồng, lãi quá hạn là 2.265.511 đồng. Bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 10/10/2019 đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 17.93.0024/2017/HĐCV/NHCT262 ngày 18/9/2017 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S không trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần CV - Chi nhánh BX theo hợp đồng tín dụng thì tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 259m² và các tài sản trên đất tại thửa đất số 472; tờ bản đồ số 02; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0603045 do UBND huyện VL, tỉnh Vĩnh Phú cấp ngày 15/9/1994, đứng tên ông Đỗ Như S (đã được đính chính là Đỗ Văn S). Địa chỉ thửa đất thôn Đ2, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17.93.0024/HĐTC ngày 15/9/2017 đã ký giữa Ngân hàng TMCP CV - Chi nhánh BX và ông Đỗ Văn S, bà Phạm Thị Hương L sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu số tiền bán tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ thì bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S vẫn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về số tiền nợ gốc, nợ lãi của hợp đồng tín dụng số 18.98.0012/2018/HĐCVHM/NHCT262 ngày 12/02/2018 và yêu cầu xử lý tài sản của ông Đỗ Như H, bà Nguyễn Thị N.

Về án phí: Bà Phạm Thị Hương L và ông Đỗ Văn S phải chịu 30.222.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần CV không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần CV - Chi nhánh BX 26.260.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/ 0000764 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Lạc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh